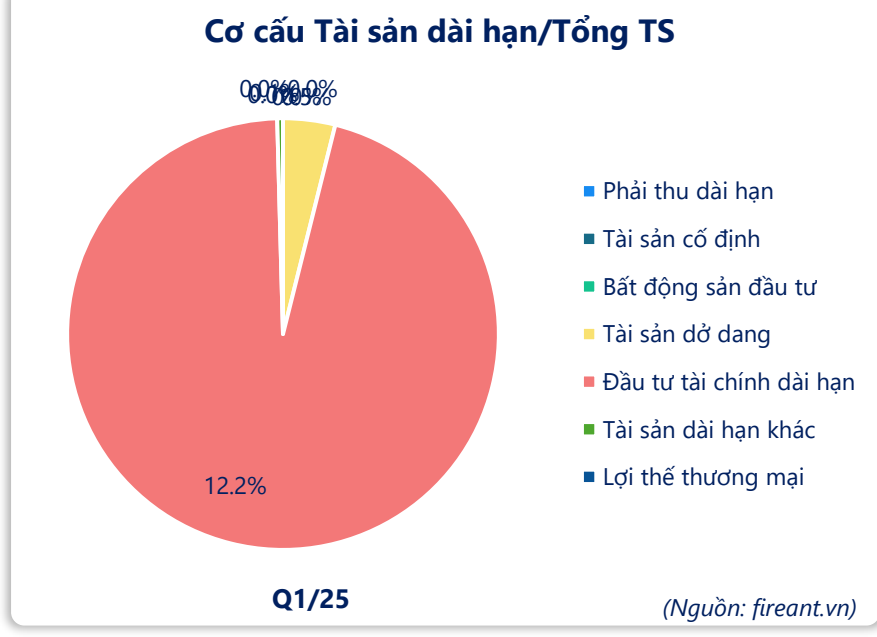
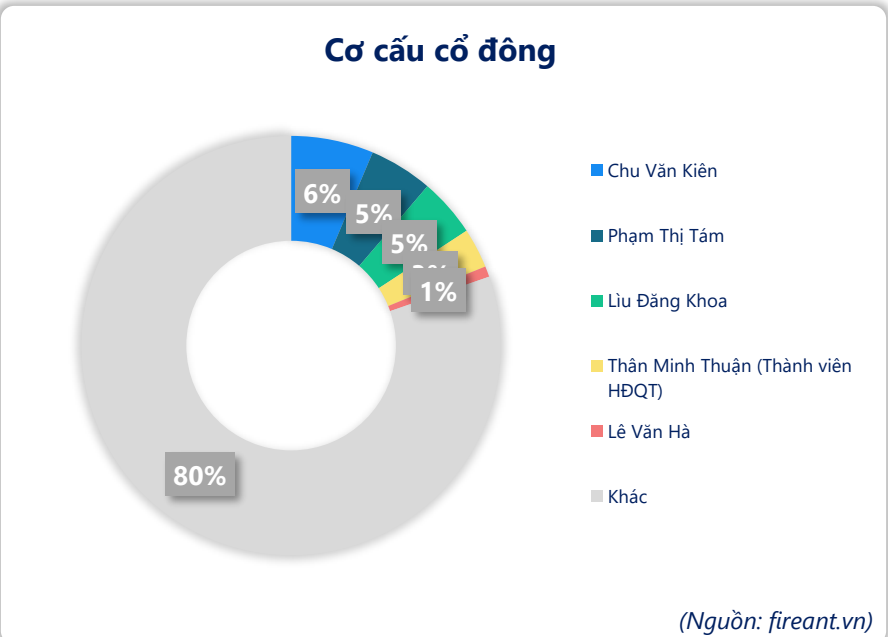
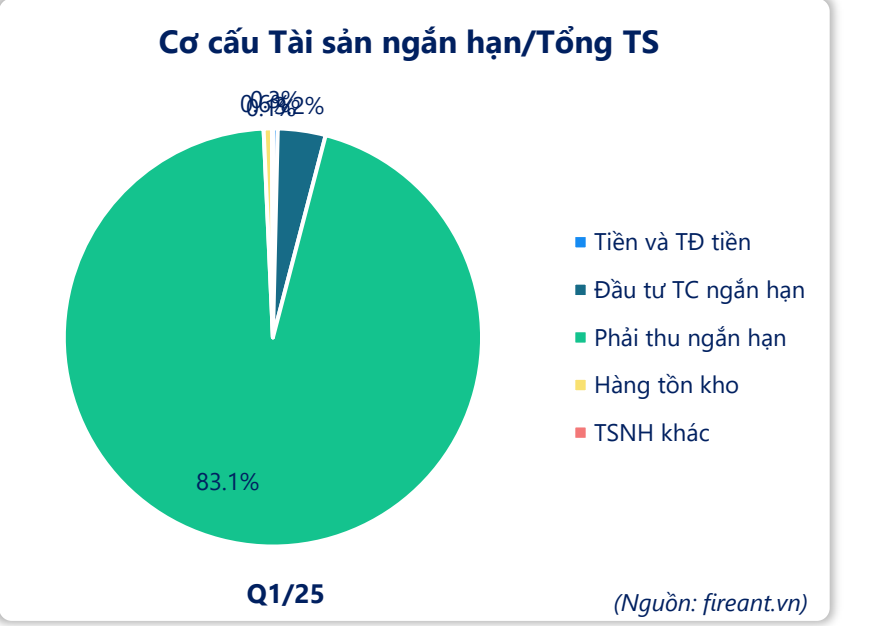
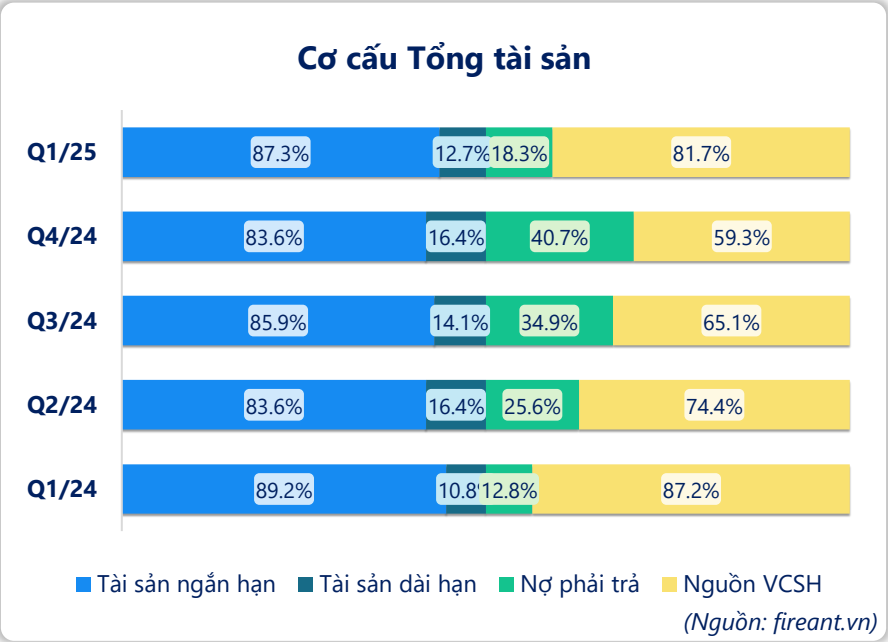
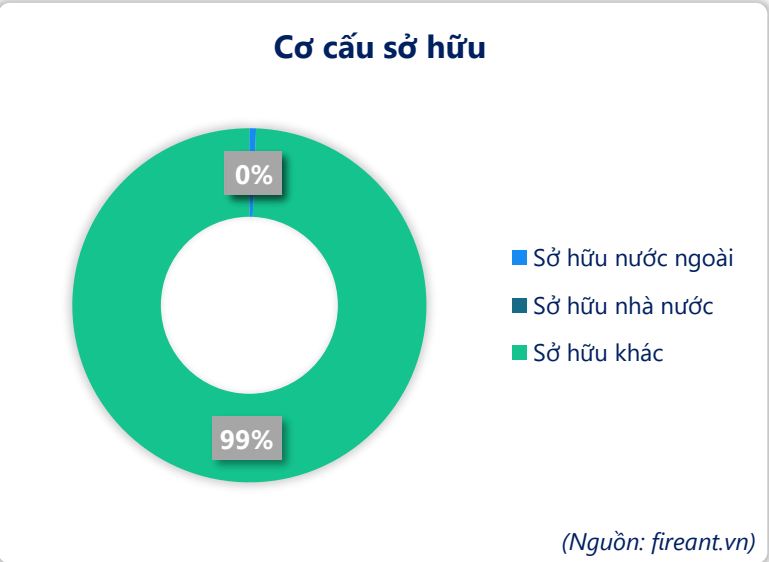
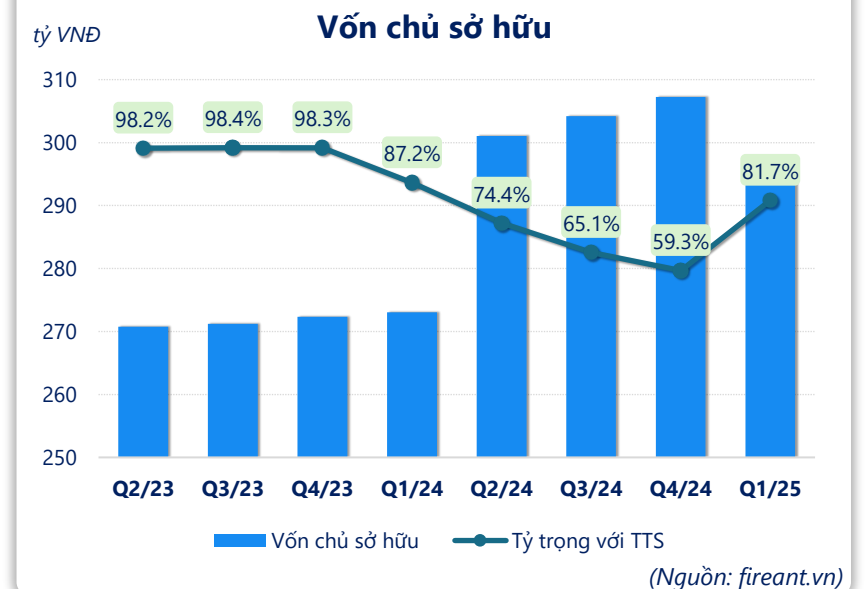
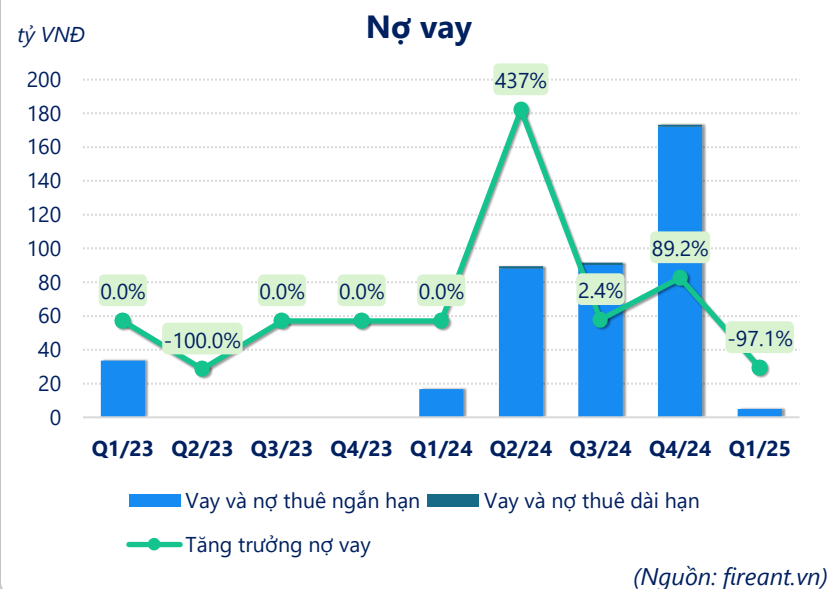
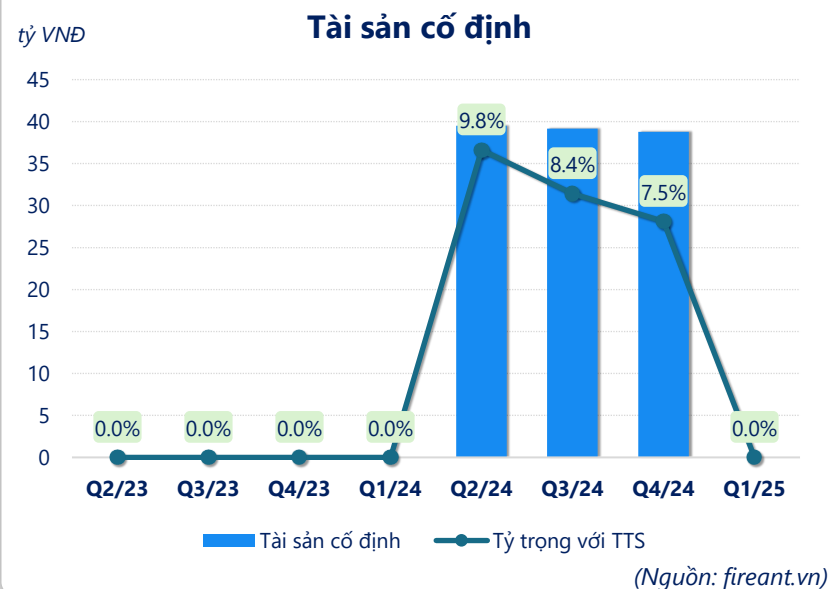
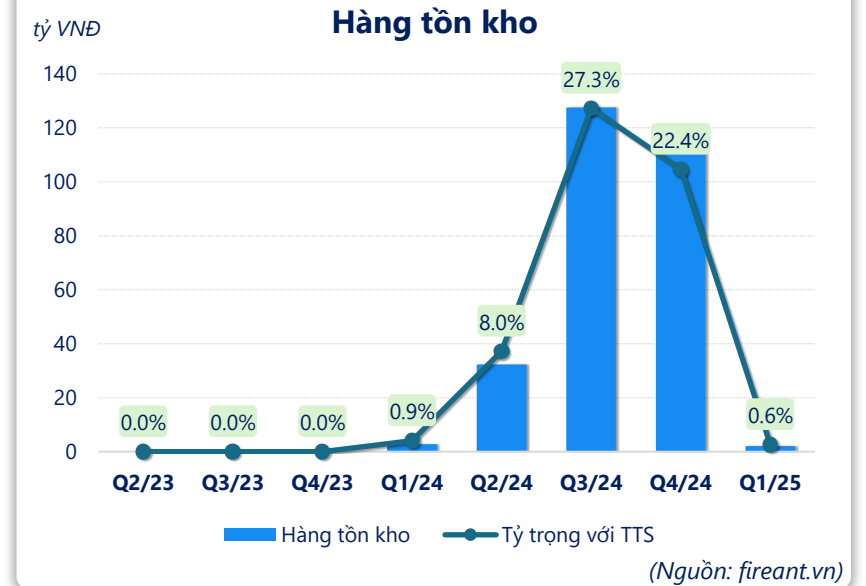
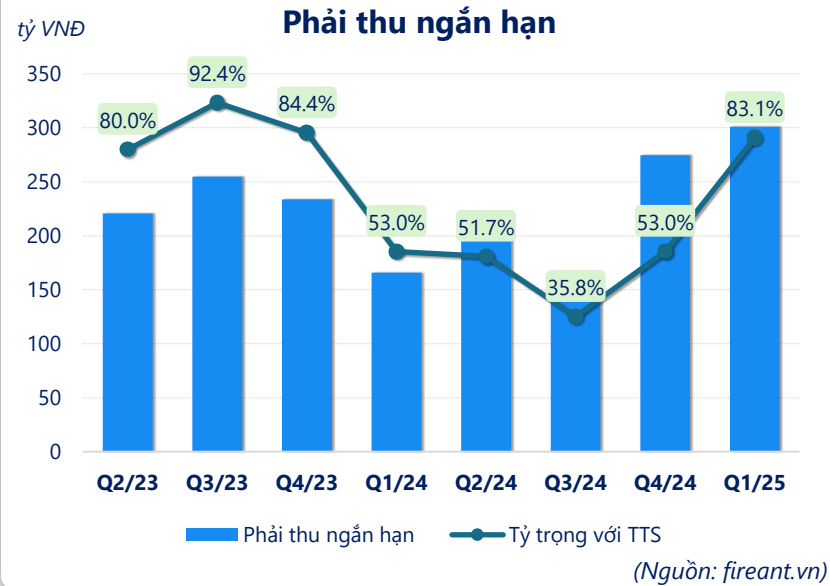
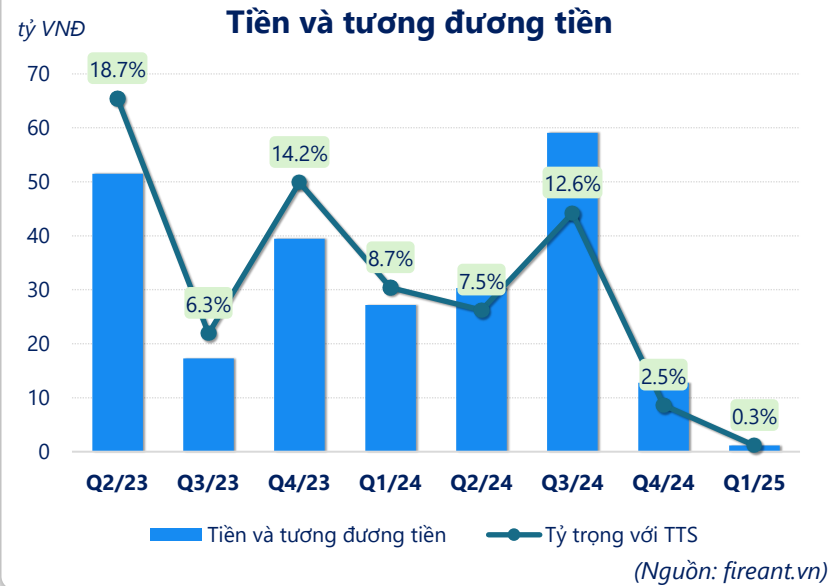
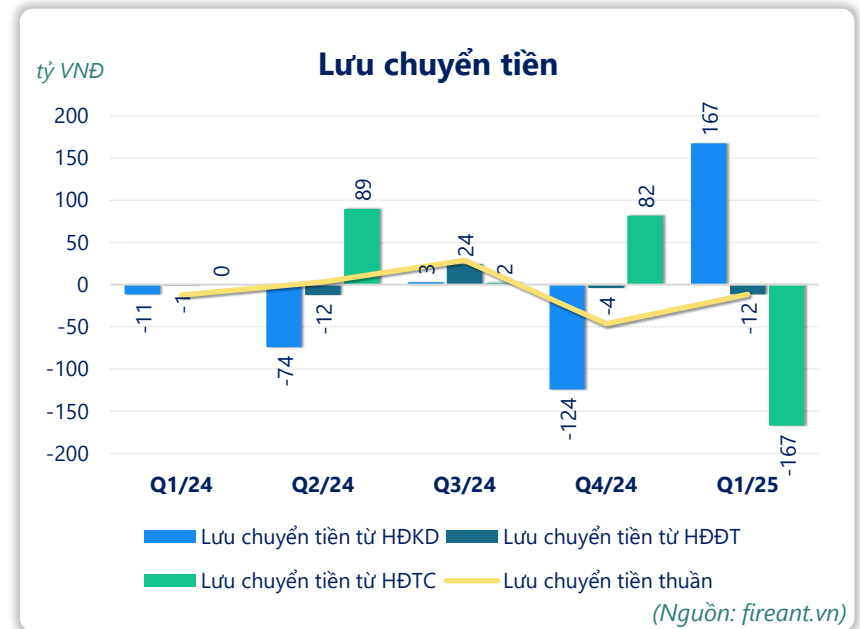
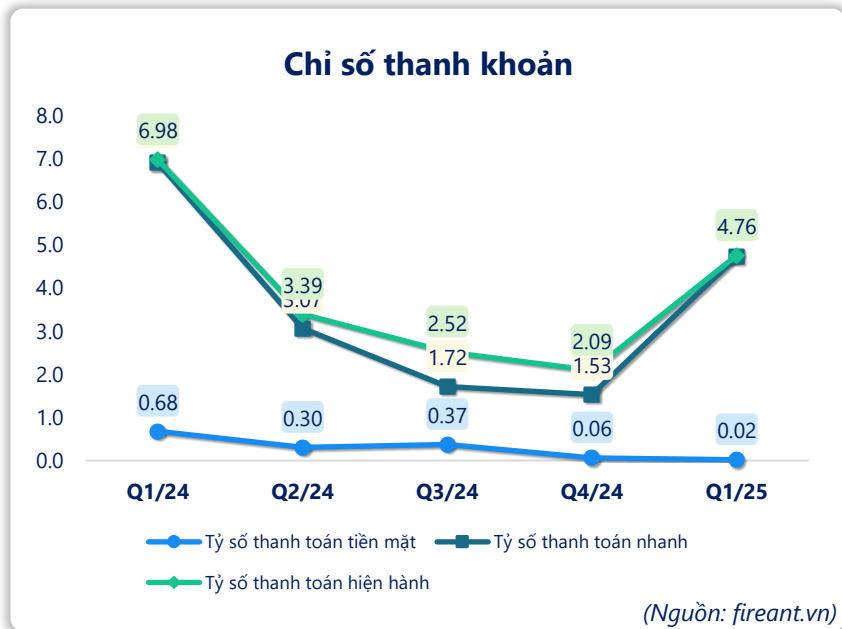
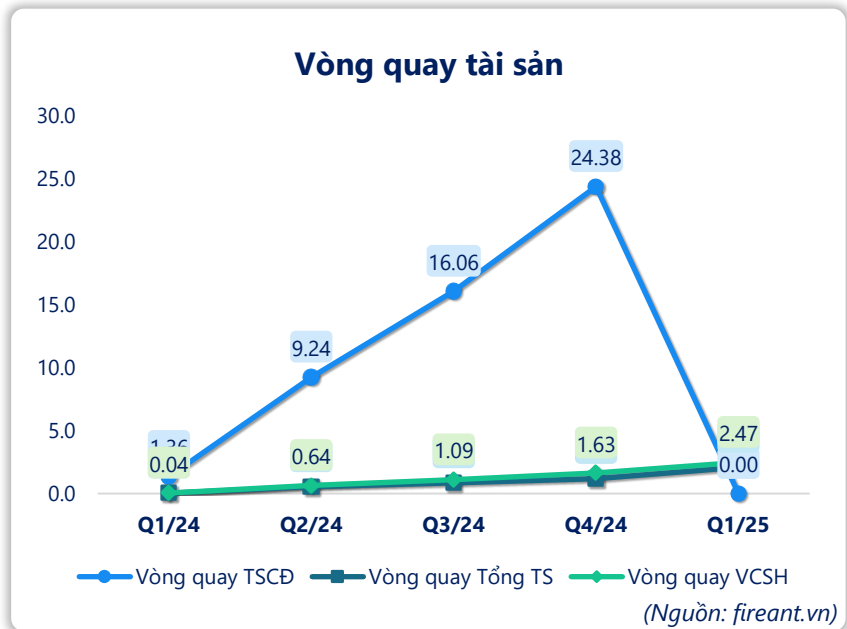
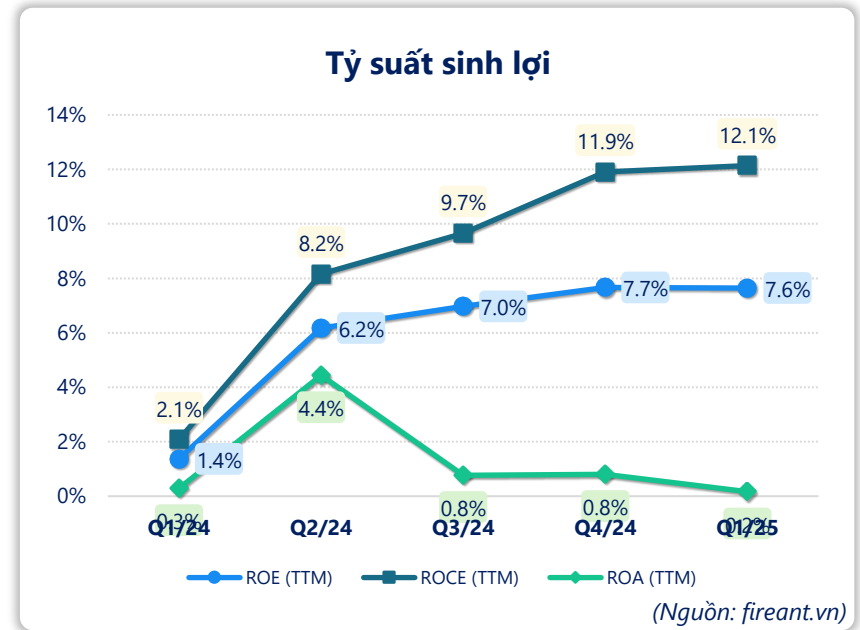
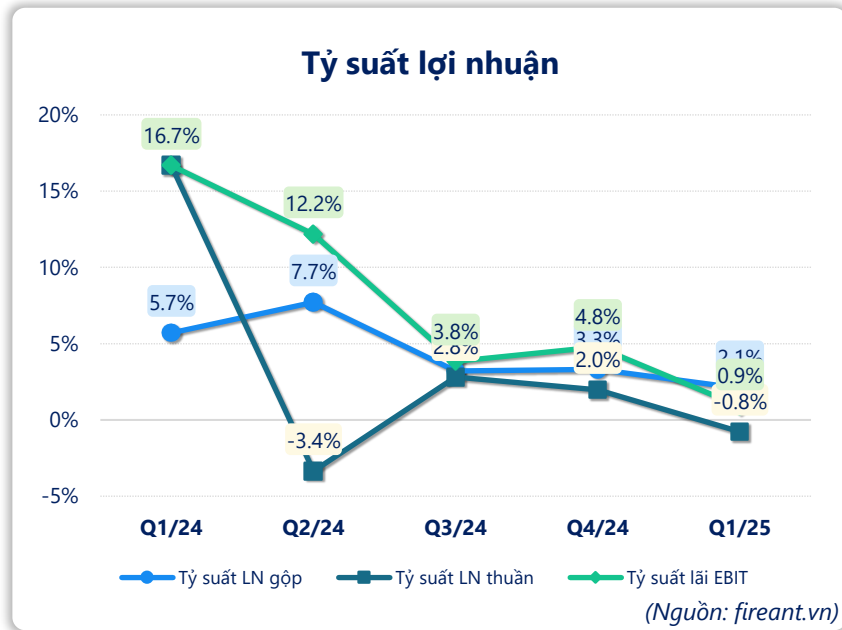
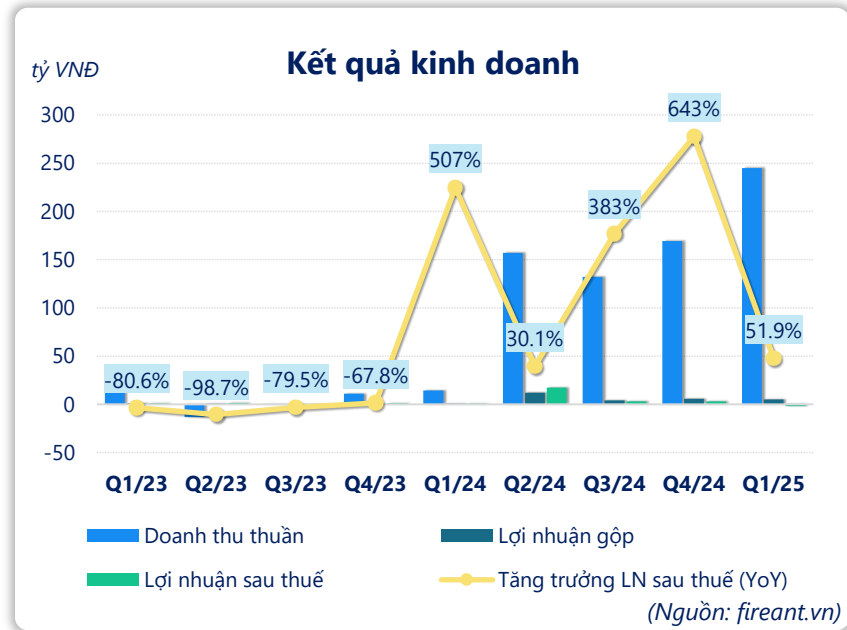


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,780
SL cổ phiếu LH		25,720,902
KLGD BQ 20 phiên (CP)		637,035
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		193
P/E		8.9
EPS		845

	YTD	1T	3T	6T
ST8	8.2%	-6.4%	4.7%	-5.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	362	518	-30.0%
Tài sản ngắn hạn	316	433	-26.9%
Tiền và tương đương tiền	1.17	12.8	-90.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.7	25.1	-53.5%
Phải thu ngắn hạn	301	275	9.6%
Hàng tồn kho	2.02	116	-98.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	4.18	-94.5%
Tài sản dài hạn	46.1	85.0	-45.8%
Phải thu dài hạn	0	0.11	-100%
Tài sản cố định	0	38.8	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.80	1.64	9.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	44.1	44.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.20	0.35	-44.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	66.4	211	-68.5%
Nợ ngắn hạn	66.4	207	-67.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.00	172	-97.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	55.3	23.0	140%
Nợ dài hạn	0	3.60	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.20	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	296	307	-3.7%
Vốn chủ sở hữu	296	307	-3.7%
Vốn điều lệ	257	257	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	14.3	157	132	169	245
Giá vốn hàng bán	13.4	145	128	164	240
Lợi nhuận gộp	0.81	12.1	4.26	5.61	5.10
Doanh thu HĐTC	23.7	-16.9	5.17	3.37	6.17
Chi phí TC	21.5	-3.24	1.52	4.98	11.0
Chi phí lãi vay	0	1.08	1.34	3.07	4.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	1.63	0.21	0.42	0.54
Chi phí QLDN	0.65	2.06	3.98	0.24	1.57
LN thuần từ HĐKD	2.38	-5.27	3.72	3.34	-1.87
Lợi nhuận khác	0.00	23.3	0.01	1.71	0.00
LN trước thuế	2.38	18.1	3.73	5.05	-1.87
Lợi nhuận sau thuế	0.74	17.2	3.16	3.03	-1.96
LNST của CĐ cty mẹ	1.03	15.1	2.88	3.21	0.56

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.4	-74.0	2.68	-124	167
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.87	-12.3	23.9	-4.03	-11.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	89.5	2.11	81.8	-167
Tiền đầu kỳ	39.5	27.2	30.3	59.1	12.8
Lưu chuyển tiền thuần	-12.3	3.16	28.7	-46.3	-11.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.2	30.3	59.1	12.8	1.17

(Nguồn: fireant.vn)